

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ



BÁO CÁO TÀI CHÍNH **HỢP NHẤT**

QUÝ III NĂM 2012



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

MÃ SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		3,080,339,099,408	3,314,288,464,552
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	945,122,319,547	363,906,568,157
1. Tiền	111		586,282,319,547	291,890,033,431
2. Các khoản tương đương tiền	112		358,840,000,000	72,016,534,726
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18,376,791,095	19,046,791,095
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	49,900,000,000	50,570,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	7	(31,523,208,905)	(31,523,208,905)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,383,019,629,739	1,445,851,559,019
1. Phải thu khách hàng	131		1,020,836,743,807	963,101,500,297
2. Trả trước cho người bán	132		301,354,844,970	379,499,820,304
3. Các khoản phải thu khác	135		80,050,191,831	120,616,168,568
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(19,222,150,869)	(17,365,930,150)
IV. Hàng tồn kho	140	8	606,333,321,062	1,292,187,642,847
1. Hàng tồn kho	141		626,260,527,120	1,296,792,584,409
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(19,927,206,058)	(4,604,941,562)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		127,487,037,965	193,295,903,434
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4,546,963,128	1,135,688,705
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		114,880,235,443	186,412,211,162
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		205,682,087	544,734,276
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7,854,157,307	5,203,269,291
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		687,601,375,412	796,074,171,452
I. Tài sản cố định	220		377,754,023,284	373,564,194,468
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	221,857,924,381	230,752,533,102
- Nguyên giá	222		393,752,171,826	375,953,711,223
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(171,894,247,445)	(145,201,178,121)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	131,694,710,586	117,949,552,223
- Nguyên giá	228		133,956,029,796	119,718,885,796
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,261,319,210)	(1,769,333,573)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	24,201,388,317	24,862,109,143
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		45,798,176,936	156,394,879,631
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	43,798,176,936	44,394,879,631
2. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	14	2,000,000,000	112,000,000,000
III. Tài sản dài hạn khác	260		264,049,175,192	266,115,097,353
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	259,898,558,226	263,580,624,583
2. Tài sản dài hạn khác	268		4,150,616,966	2,534,472,770
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3,767,940,474,820	4,110,362,636,004

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2,445,932,532,398	2,824,642,259,244
I. Nợ ngắn hạn	310		2,359,678,493,208	2,739,211,749,112
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	1,012,320,784,190	1,389,250,865,571
2. Phải trả người bán	312		667,620,065,250	564,933,990,241
3. Người mua trả tiền trước	313		314,247,735,269	401,270,350,510
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	41,002,094,220	79,389,154,802
5. Phải trả người lao động	315		73,697,561,640	80,937,671,579
6. Chi phí phải trả	316		19,116,021,048	11,158,612,125
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		179,333,479,848	155,904,713,043
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		52,340,751,743	56,366,391,241
II. Nợ dài hạn	330		86,254,039,190	85,430,510,132
1. Phải trả dài hạn khác	333		34,789,309,458	36,518,044,319
2. Vay và nợ dài hạn	334	18	38,114,268,458	45,674,675,266
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		3,704,616,516	3,237,790,547
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		9,645,844,758	-
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		1,218,083,023,039	1,212,217,645,078
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1,218,083,023,039	1,212,217,645,078
1. Vốn điều lệ	411		698,420,000,000	698,420,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		128,358,940,301	128,358,940,301
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		33,678,648,352	33,678,648,352
4. Cổ phiếu quỹ	414		(9,150,605,990)	(9,150,605,990)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		11,793,148,161	17,626,480,239
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		69,812,353,633	68,669,949,370
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		797,733,740	839,728,344
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		284,372,804,842	273,774,504,462
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	20	103,924,919,383	73,502,731,682
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		3,767,940,474,820	4,110,362,636,004

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	30/9/2012	31/12/2011
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	984,907,919
2. Ngoại tệ các loại			
- USD		1,748,958.80	501,298.86
- Euro		1,706.68	-
- GBP		78.87	-

TP HCM, ngày 30 tháng 10 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU



CAO THANH HÙNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐÀO VĂN ĐẠI

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÙNG TUẤN HÀ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

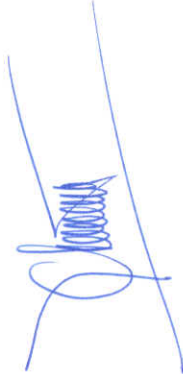
Cho kỳ kế toán từ 01/01/12 đến 30/09/12

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế		Quý 3		Lũy kế	
			Năm 2012		Năm 2012		Năm 2011		Năm 2011	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2,488,400,025,031		7,842,004,006,427		2,928,823,120,523		7,702,126,784,659	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		60,272,322,742		207,560,387,888		121,593,214,021		199,703,892,160	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2,428,127,702,289		7,634,443,618,539		2,807,229,906,502		7,502,422,892,499	
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		2,246,920,114,755		7,051,957,947,935		2,543,129,673,791		6,741,436,819,125	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		181,207,587,534		582,485,670,604		264,100,232,711		760,986,073,374	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	13,904,819,850		37,111,242,868		22,358,259,494		53,267,431,103	
7. Chi phí tài chính	22	22	29,539,798,333		99,738,739,866		39,546,814,194		238,159,607,981	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26,756,337,054		82,413,643,724		36,883,274,898		111,846,359,395	
8. Chi phí bán hàng	24		67,545,973,084		182,627,296,730		69,902,206,039		166,361,787,989	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		47,602,982,426		144,294,325,643		78,153,738,805		164,112,077,516	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		50,423,653,541		192,936,551,233		98,855,733,167		245,620,030,991	
11. Thu nhập khác	31		27,134,225,610		38,820,149,992		6,000,781,365		98,891,142,939	
12. Chi phí khác	32		7,612,404,327		11,501,926,877		2,636,877,889		8,042,823,965	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		19,521,821,283		27,318,223,115		3,363,903,476		90,848,318,974	
14. Lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		722,235,183		1,743,822,575		899,862,454		1,400,852,284	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		70,667,710,007		221,998,596,923		103,119,499,097		337,869,202,249	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	17,167,068,630		63,336,189,653		25,330,171,073		78,488,201,191	
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-		-		-		12,200,968,137	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		53,500,641,377		158,662,407,270		77,789,328,024		247,180,032,921	
Trong đó:			-		-		-		-	
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		8,133,964,850		15,901,036,349		3,157,858,526		7,294,533,557	
Lợi ích của cổ đông của Tổng Công ty	62		45,366,676,527		142,761,370,921		74,631,469,498		239,885,499,364	
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	657		2,067		1,073		3,449	

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



CAO THANH HÙNG



ĐÀO VĂN ĐẠI



PHÙNG TUẤN HÀ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

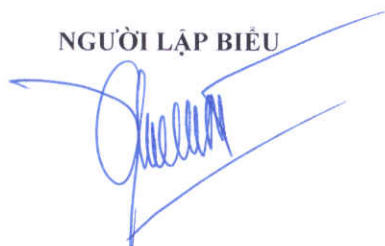
Cho kỳ kế toán từ 01/01/12 đến 30/09/12

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/9/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/9/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	221,998,596,923	337,869,202,249
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	25,663,221,315	23,176,741,595
Các khoản dự phòng	03	17,178,485,215	3,348,024,252
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(20,685,085,898)	(36,329,582,064)
Chi phí lãi vay	06	82,413,643,724	111,846,359,395
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	326,568,861,279	439,910,745,427
Biến động các khoản phải thu	09	59,754,473,767	(317,061,505,014)
Biến động hàng tồn kho	10	670,532,057,289	985,359,818,895
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	514,433,621	(257,133,268,409)
Biến động chi phí trả trước	12	69,490,931,826	133,670,805,439
Tiền lãi vay đã trả	13	(77,256,279,147)	(113,639,076,657)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(62,045,889,619)	(112,115,748,363)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	960,864,868,287	752,758,706,824
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2,419,313,275)	(53,272,082,795)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	610,203,157	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(12,784,997,305)	(9,802,000,000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	124,051,700,000	-
6. Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	19,679,394,715	35,490,343,748
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	129,136,987,292	(27,583,739,047)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(6,338,605,990)
1. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3,195,258,689,886	3,806,869,987,297
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3,579,749,178,075)	(3,820,000,262,639)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(124,295,616,000)	(140,338,680,800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(508,786,104,189)	(159,807,562,132)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	581,215,751,390	565,367,405,645
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	363,906,568,157	533,465,818,080
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	945,122,319,547	1,098,833,223,725

NGƯỜI LẬP BIỂU



CAO THANH HÙNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐÀO VĂN ĐẠI

TP HCM, ngày 30 tháng 10 năm 2012



PHÙNG TUẤN HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 09 số 0300452060 ngày 09 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty Nhà nước thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Petro Việt Nam”).

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 là 2.680 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 2.487).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ về sinh hoạt, đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí; kinh doanh điện thoại di động và các linh kiện dùng cho điện thoại, phân phối máy tính, kinh doanh bất động sản, lập dự án đầu tư, đại lý vé máy bay, vệ sinh khu nhà và các công trình, bán buôn hóa chất, máy móc thiết bị phục vụ cho vệ sinh công nghiệp, dịch vụ quản lý bất động sản, bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, nhựa tổng hợp, sản xuất bao bì từ nhựa tổng hợp, xuất khẩu lao động, cung ứng lao động; cho thuê kho bãi, nhà xưởng, mặt bằng, phương tiện vận tải, văn phòng; kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế, khách sạn, nhà ở; chế biến, mua bán lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, hàng nông hải sản; mua bán máy móc thiết bị; làm đại lý mua bán hàng hóa, kinh doanh xăng dầu; xây dựng dân dụng và công nghiệp; sản xuất bao bì, phân bón; buôn bán chất dẻo dạng nguyên sinh; buôn bán nhựa tổng hợp; sản xuất bao bì từ plastic (trừ tái chế phế thải).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2012. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là 01 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân giá quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2012 (%)
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20
Máy móc, thiết bị	14,2 - 20
Phương tiện vận tải	14,2 - 20
Dụng cụ quản lý	25 - 33
Tài sản cố định khác	25 - 33

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Tổng Công ty là bên đi thuê**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không phải tính khấu hao. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là tám (08) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền đã trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ (hoặc được ghi nhận một phần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ). Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

- Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS 10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS10 làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 9 năm 2012 giảm 5,833,332,078 VND và khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 sẽ giảm 11,793,148,161 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 giảm 17.626.480.239 VND) so với áp dụng theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-DVTHDK-ĐHCD ngày 10 tháng 4 năm 2012, Tổng Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 với tỷ lệ như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6% lợi nhuận sau thuế
Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/9/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	5,269,376,031	8,762,135,118
Tiền gửi ngân hàng	581,012,943,516	283,127,898,313
Các khoản tương đương tiền	358,840,000,000	72,016,534,726
	<u>945,122,319,547</u>	<u>363,906,568,157</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>30/9/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí (i)	39,500,000,000	39,500,000,000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	10,400,000,000	10,400,000,000
Dầu khí (i)		
Đầu tư ngắn hạn khác	-	670,000,000
	<u>49,900,000,000</u>	<u>50,570,000,000</u>

7. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<u>30/9/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí	29,882,192,415	29,882,192,415
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	1,641,016,490	1,641,016,490
Dầu khí		
	<u>31,523,208,905</u>	<u>31,523,208,905</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/9/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	129,123,041,825
Nguyên liệu, vật liệu	9,925,560,714	6,794,526,302
Công cụ, dụng cụ	2,056,300,846	1,061,467,761
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1,688,577,819	92,069,432
Thành phẩm	26,288,487	161,143,651
Hàng hoá	565,596,153,380	1,117,998,968,164
Hàng gửi bán	46,967,645,874	41,561,367,274
Cộng	<u>626,260,527,120</u>	<u>1,296,792,584,409</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(19,927,206,058)	(4,604,941,562)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>606,333,321,062</u>	<u>1,292,187,642,847</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	176,099,417,727	99,219,380,371	83,835,091,765	14,564,292,350	2,235,529,010	375,953,711,223
Mua trong kỳ	-	467,685,745	751,833,455	1,199,794,075	-	2,419,313,275
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5,508,448,712	3,965,579,359	169,812,061	-	-	9,643,840,132
Phân loại lại	2,074,976,124	(5,106,079,958)	1,814,243,937	1,087,346,597	129,513,300	-
Tăng do đánh giá lại	-	-	-	-	9,778,659,987	9,778,659,987
Thanh lý	-	-	(3,763,678,716)	(279,674,075)	-	(4,043,352,791)
Tại ngày 30/9/2012	183,682,842,563	98,546,565,517	82,807,302,502	16,571,758,947	12,143,702,297	393,752,171,826
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2011	51,285,215,080	40,724,308,999	43,396,017,198	9,663,655,743	131,981,101	145,201,178,121
Khấu hao trong kỳ	4,964,338,277	8,096,458,763	9,410,517,899	2,395,367,869	274,592,780	25,141,275,588
Phân loại lại	(953,035,022)	38,167,729	1,052,951,234	(233,400,975)	95,317,034	-
Thanh lý	-	-	(3,763,678,716)	(250,292,609)	-	(4,013,971,325)
Tăng khác	3,536,560,780	148,635,458	898,190,561	922,956,474	59,421,788	5,565,765,061
Tại ngày 30/6/2011	58,833,079,115	49,007,570,949	50,993,998,176	12,498,286,502	561,312,703	171,894,247,445
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/9/2012	124,849,763,448	49,538,994,568	31,813,304,326	4,073,472,445	11,582,389,594	221,857,924,381
Tại ngày 31/12/2011	124,814,202,647	58,495,071,372	40,439,074,567	4,900,636,607	2,103,547,909	230,752,533,102

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	117,531,740,646	2,187,145,150	119,718,885,796
Tăng trong kỳ	13,933,200,000	335,389,000	14,268,589,000
Giảm trong kỳ		(31,445,000)	(31,445,000)
Tại ngày 30/9/2012	131,464,940,646	2,491,089,150	133,956,029,796
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	283,000,940	1,486,332,633	1,769,333,573
Khấu hao trong kỳ	103,801,601	418,144,126	521,945,727
Thanh lý		(29,960,090)	(29,960,090)
Tại ngày 30/9/2012	386,802,541	1,874,516,669	2,261,319,210
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/9/2012	131,078,138,105	616,572,481	131,694,710,586
Tại ngày 31/12/2011	117,248,739,706	700,812,517	117,949,552,223

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/9/2012 VND	31/12/2011 VND
Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang	24,201,388,317	24,862,109,143
<i>Trong đó một số công trình lớn:</i>		
Công trình Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Dung Quất	9,226,692,045	12,026,732,325
Dự án Petrosetco Tower Thanh Đa	14,252,125,601	11,581,791,655
	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/9/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/9/2011 VND
Số dư đầu kỳ	24,862,109,143	7,714,274,339
Tăng trong kỳ	6,997,299,992	82,225,926,637
Kết chuyển sang tài sản cố định	7,580,000,000	13,731,983,601
Giảm khác	78,020,818	
Số dư cuối kỳ/năm	24,201,388,317	76,208,217,375

12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Công ty con	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phân phối Tổng hợp Dầu khí	Tp. HCM	95.50%	95.50%	Phân phối thiết bị điện tử viễn thông
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	Tp. HCM	100.00%	100.00%	Thương mại, dịch vụ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí Hà Nội	Hà Nội	100.00%	100.00%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	Vũng Tàu	71.67%	71.67%	Cung cấp dịch vụ
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	89.00%	89.00%	Thương mại và dịch vụ
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	Hà Nội	88.20%	88.20%	Quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	Bạc Liêu	51.00%	51.00%	Sản xuất bao bì
Công ty TNHH Petrosetco - SSG	Tp. HCM	51.00%	51.00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	Tp. HCM	59.55%	60.00%	Thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi, phần mềm

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1 Cho kỳ kế toán từ 01/01/12 đến 30/09/12
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	<u>30/9/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí	19,471,930,640	18,896,654,390
Công ty TNHH Dịch vụ Giáo dục Dầu khí Dreamhouse	-	245,000,000
Công ty Cổ phần Dầu khí FGAS	7,500,000,000	7,500,000,000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lộc Việt	-	2,000,000,000
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	16,826,246,296	15,753,225,241
	<u>43,798,176,936</u>	<u>44,394,879,631</u>

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 09 năm 2012 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí	Quảng Ngãi	30	30	Quản lý và khai thác nhà ở
Công ty Cổ phần Dầu khí FGAS	Quảng Ngãi	25	25	Kinh doanh nhiên liệu khí hóa lỏng
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	Bà Rịa-Vũng Tàu	24	24	Dịch vụ cho thuê văn phòng

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

	<u>30/9/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí miền Trung	2,000,000,000	112,000,000,000
	<u>2,000,000,000</u>	<u>112,000,000,000</u>

Tổng Công ty thực hiện thoái vốn theo Nghị quyết số 6481/NQ-DKVN ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thông qua chủ trương đề Tổng Công ty chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (PCB) cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil).

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/9/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê văn phòng (i)	170,384,048,373	176,592,976,755
Chênh lệch đánh giá lại tài sản (ii)	38,738,627,317	43,992,351,756
Chi phí trả trước dài hạn khác	50,775,882,536	42,995,296,072
	<u>259,898,558,226</u>	<u>263,580,624,583</u>

(i) Chi phí trả trước dài hạn là khoản trả trước tiền thuê văn phòng, thể hiện số tiền trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

(ii) Khi thực hiện đánh giá lại giá trị tài sản để chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đối với Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA), Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (Petrosetco Vũng Tàu) và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung (PSMT), khoản lợi thể kinh doanh phát sinh với số tiền tương ứng là 6.006.130.380 VND,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

12.595.093.168 VND và 33.235.767.000 VND. Tổng Công ty phản ánh giá trị lợi thế kinh doanh này trên khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” và thực hiện phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian tương ứng là 3 năm, 5 năm và 10 năm.

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/9/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	162,835,310,758	109,788,178,530
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội		6,093,868,039
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	18,951,929,644	11,438,203,813
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á		44,989,488,585
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	69,099,000	387,719,874,292
Ngân hàng Indochina - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	74,723,803,308	303,981,477,480
Ngân hàng TNHH HSBC Việt Nam	275,740,641,480	334,040,954,452
Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam		121,720,602,380
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam		58,511,267,281
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	480,000,000,000	-
Vay dài hạn đến hạn trả		10,966,950,719
	<u>1,012,320,784,190</u>	<u>1,389,250,865,571</u>

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/9/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	16,098,367,764	49,726,604,510
Thuế xuất nhập khẩu	160,135,047	4,407,733,535
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22,919,431,578	23,333,767,129
Các loại thuế khác	1,824,159,831	3,000,000
	<u>41,002,094,220</u>	<u>79,389,154,802</u>

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/9/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	11,348,670,555
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận (i)		5,434,184,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu (ii)	38,114,268,458	28,891,820,711
	<u>38,114,268,458</u>	<u>45,674,675,266</u>

(i) Ngày 20 tháng 9 năm 2010, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận với số tiền 9.700.000.000 VND nhằm mục đích cải tạo, sửa chữa Khách sạn Holiday Mansion tại Vũng Tàu, lãi suất sẽ được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng bất động sản số 12 Trương Công Định, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc sở hữu của Tổng Công ty và lãi suất được quy định tại mỗi khế ước nhận nợ. Thời gian vay là 84 tháng kể từ kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Đến 30/09/12, Tổng Công ty đã thanh toán hết khoản vay này.

(iii) Tại ngày 28 tháng 01 năm 2011, Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (công ty con của Tổng Công ty) ký Hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu với số tiền vay là 60.000.000.000 VND và không vượt quá 70% tổng chi phí đầu tư của Dự án “Đầu tư xây

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu”. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay áp dụng phương thức lãi suất cho vay dài hạn thả nổi có điều chỉnh theo thời gian (20% tại ngày 31 tháng 12 năm 2011) và được trả hàng tháng. Gốc vay sẽ được trả ngay sau khi hết thời gian ân hạn (12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên - ngày 04 tháng 7 năm 2011), sau đó sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 9 năm 2012 đến ngày 30 tháng 9 năm 2019. Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí sử dụng toàn bộ giá trị tài sản được hình thành từ Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu” để thế chấp cho khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	698,420,000,000	128,358,940,301	21,405,058,462	(2,812,000,000)	33,492,226,543	43,423,817,614	1,027,448,705	180,099,117,674	1,103,414,609,299
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	285,396,889,978	285,396,889,978
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(111,297,279,400)	(111,297,279,400)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(6,338,605,990)	-	-	-	-	(6,338,605,990)
(Lỗ) từ công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	(887,590,039)	(887,590,039)
Hoàn nhập chênh lệch tỉ giá	-	-	-	-	(33,492,226,543)	-	-	-	(33,492,226,543)
Chênh lệch tỉ giá do đánh giá lại	-	-	-	-	17,626,480,239	-	-	-	17,626,480,239
Tạm phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ	-	-	12,303,376,214	-	-	23,994,781,302	-	(72,852,131,523)	(36,553,974,007)
Tạm phân phối lợi nhuận tại các Công ty con	-	-	(29,786,324)	-	-	1,251,350,454	(187,720,361)	(6,303,416,935)	(5,269,573,166)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(381,085,294)	(381,085,294)
Số dư tại ngày 31/12/2011	698,420,000,000	128,358,940,301	33,678,648,352	(9,150,605,990)	17,626,480,239	68,669,949,370	839,728,344	273,774,504,461	1,212,217,645,078
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	142,761,370,921	142,761,370,921
Chia cổ tức trong kỳ (i)	-	-	-	-	-	-	-	(124,295,616,000)	(124,295,616,000)
Lãi từ công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	2,915,231,879	2,915,231,879
Chênh lệch tỉ giá do đánh giá lại	-	-	-	-	11,793,148,161	-	-	-	11,793,148,161
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	1,336,144,677	-	(10,927,372,628)	(9,591,227,951)
Hoàn nhập chênh lệch tỉ giá	-	-	-	-	(17,626,480,239)	-	-	-	(17,626,480,239)
Khác (ii)	-	-	-	-	-	(193,740,414)	(41,994,604)	144,686,209	(91,048,809)
Số dư tại ngày 30/9/2012	698,420,000,000	128,358,940,301	33,678,648,352	(9,150,605,990)	11,793,148,161	69,812,353,633	797,733,740	284,372,804,842	1,218,083,023,039

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 09 số 0300452060 ngày 09 tháng 11 năm 2010, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 699 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	30/09/2012		31/12/2011	
	Số tiền (VND)	%	Số tiền (VND)	%
Tập đoàn dầu khí Việt Nam	246,092,850,000	35.24	246,092,850,000	35.24
Các cổ đông khác	452,327,150,000	64.76	452,327,150,000	64.76
	698,420,000,000	100	698,420,000,000	100

20. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	30/9/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vốn điều lệ	88,783,000,000	67,333,432,000
Quỹ đầu tư phát triển	1,027,844,942	578,562,453
Quỹ dự phòng tài chính	229,714,965	187,720,361
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(477,364,593)	182,873,182
Lợi nhuận chưa phân phối	14,361,724,069	5,220,143,686
	103,924,919,383	73,502,731,682

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/9/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/9/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19,679,394,715	35,490,343,748
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10,461,058,191	5,830,862,458
Cổ tức, lợi nhuận được chia	394,909,402	1,938,059,316
Lãi bán ngoại tệ	-	1,030,901,509
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6,575,880,560	8,977,264,072
	37,111,242,868	53,267,431,103

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/9/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/9/2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	82,413,643,724	111,846,359,395
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9,910,226,356	122,024,518,566
Chi phí tài chính khác	7,414,869,786	4,288,730,020
	99,738,739,866	238,159,607,981

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/9/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/9/2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	221,998,596,923	337,869,202,249
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản điều chỉnh tăng:	31,741,071,091	12,644,104,063
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	29,700,327,157	10,874,196,210
- Lỗ không tính thuế	2,040,743,934	1,769,907,853
Các khoản điều chỉnh giảm	(394,909,402)	(6,957,245,319)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(3,618,333,719)
- Thu nhập không chịu thuế	(394,909,402)	(3,338,911,600)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	253,344,758,612	343,556,060,993
Thu nhập chịu thuế suất 25% x 50%	-	43,533,481,684
Thu nhập chịu thuế suất 25%	253,344,758,612	300,022,579,309
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	-	(1,959,128,847)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	63,336,189,653	78,488,201,191
Chi phí thuế thu nhập hiện hành phải nộp trong kỳ	63,336,189,653	78,488,201,191

Tổng Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/9/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/9/2011
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	158,662,407,270	247,180,032,921
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	142,761,370,921	239,885,499,364
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	69,053,120	69,549,148
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,067	3,449

25. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/9/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/9/2011
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	14,157,950,458	17,520,961,879
Các đơn vị thành viên PetroViet Nam	722,395,833,953	704,133,646,772
Bán hàng		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	80,719,666,948	78,098,647,061
Các đơn vị thành viên PetroViet Nam	534,882,233,624	957,153,763,186
Vay vốn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - nhận nợ vay	500,000,000,000	700,000,000,000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - hoàn trả nợ vay	38,930,229,527	3,790,779,486
Các nghiệp vụ khác		
Phí thương hiệu, phí quản lý phát sinh với Petro Việt Nam	6,576,396,020	5,663,086,771
Cổ tức phát sinh với Tập đoàn Dầu khí	44,296,713,000	39,374,856,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

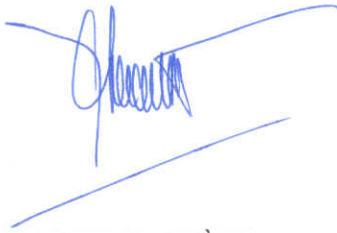
MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, bảng kết quả kinh doanh hợp nhất, bảng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán Deloitte.

NGƯỜI LẬP BIỂU



CAO THANH HÙNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐÀO VĂN ĐẠI

TP HCM, ngày 30 tháng 10 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÙNG TUẤN HÀ

C.T.C.P. H. MINH

**GIẢI TRÌNH VỀ BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
QUÝ III/2012 SO VỚI QUÝ III/2011**

Thực hiện theo thông tư 52/2012/TT-BTC, Tổng Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí giải trình biến động kết quả kinh doanh hợp nhất quý III-2012 so với cùng kỳ năm 2011 như sau:

Trong quý III-2012, tổng doanh thu của Tổng công ty đạt hơn 2.488 tỷ đồng, giảm 15% so với cùng kỳ năm 2011 và lợi nhuận sau thuế đạt hơn 53,5 tỷ đồng, giảm 31% so với cùng kỳ năm 2011 chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Trong tháng 07/2012, nhà máy lọc hóa dầu Bình Sơn tạm ngưng hoạt động vì sự cố trong một thời gian nên khiến cho doanh thu từ hạt nhựa bị sụt giảm so với cùng kỳ và kế hoạch.
- Trong tháng 08/2012, PSD, công ty con của PETROSETCO, chuyển đổi từ việc phân phối cho Nokia sang phân phối cho Samsung nên doanh thu trong quý III/2012 bị ảnh hưởng trong thời gian đầu. Tuy nhiên, sau 2 tháng triển khai phân phối sản phẩm hoạt động kinh doanh của đơn vị đã đi vào ổn định và doanh thu tăng mạnh trở lại trong quý IV/2012.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**ĐÀO VĂN ĐẠI**